

BẢNG THỐNG KÊ QUỐC TỊCH KHÁCH
Tháng 6 năm 2010

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6/2010				Cộng dồn TH đến tháng 6/2010			
			TOÀN NGÀNH	Khu vực QĐ	Khu vực ĐTNN	Khu vực ngoàiQĐ	TOÀN NGÀNH	Khu vực QĐ	Khu vực ĐTNN	Khu vực ngoàiQĐ
	Tổng lượt khách do các									
	cơ sở lưu trú phục vụ	Lượt	174,843	26,129	6,123	142,591	834,793	131,763	32,294	670,736
I	Khách quốc tế	"	34,521	10,243	2,489	21,789	161,203	49,744	9,490	101,969
	Châu Á	"	5,900	1,836	853	3,211	28,219	8,480	2,780	16,959
1	Trung Quốc	"	973	336	91	546	6,056	1,739	509	3,808
2	Đài Loan	"	426	108	26	292	2,131	607	124	1,400
3	Nhật Bản	"	1,959	697	179	1,083	8,766	2,894	613	5,259
4	Hàn quốc	"	1,498	402	102	994	5,536	1,442	325	3,769
5	Lào	"	40	10	4	26	275	88	18	169
6	Malaysia	"	113	32	12	69	708	200	47	461
7	Singapore	"	246	89	46	111	1,287	431	175	681
8	Thái Lan	"	76	14	7	55	391	79	33	279
9	Ixraen	"	7	3	0	4	41	16	0	25
10	Hồng Kông	"	113	32	24	57	738	220	204	314
11	Philippines	"	41	20	8	13	406	128	54	224
12	Indonesia	"	38	12	4	22	200	71	35	94
13	Brunei	"	46	8	9	29	229	45	40	144
	Khác	"	324				1,455			
	Châu Mỹ	"	5,011	1,398	426	3,187	22,435	6,447	2,080	13,908
1	Mỹ	"	3,320	674	243	2,403	14,827	3,582	1,255	9,990
2	Canada	"	1,231	406	87	738	5,826	1,975	496	3,355
3	Chilê	"	233	31	12	190	704	242	79	383
4	Mexico	"	83	10	4	69	315	92	41	182
	Khác	"	144				763			
	Châu Đại Dương	"	3,443	1,083	189	2,171	15,628	5,090	857	9,681
1	Úc	"	2,702	918	126	1,658	12,400	4,027	684	7,689
2	Newzealand	"	616	112	32	472	2,517	652	81	1,784
	Khác	"	125				711			
	Châu Âu	"	20,135	5,926	1,021	13,188	94,787	27,823	3,967	62,997
1	Anh	"	2,491	747	125	1,619	11,424	4,512	651	6,261

2	Pháp	"	2,941	882	147	1,912	13,821	5,509	785	7,527
3	Đức	"	1,846	554	92	1,200	10,151	3,978	569	5,604
4	Hà lan	"	995	299	50	647	4,352	1,681	226	2,446
5	Tây Ban Nha	"	698	209	35	454	3,645	1,433	205	2,007
6	Ý	"	991	297	50	644	4,572	1,814	254	2,504
7	Cộng hoà Séc	"	284	85	14	185	1,430	584	88	758
8	Nga	"	2,406	722	120	1,564	11,700	4,522	645	6,533
9	Nauy	"	659	198	33	428	2,658	1,042	149	1,467
10	Thụy Sĩ	"	1,103	331	55	717	6,410	2,498	291	3,621
11	Thụy Điển	"	991	297	50	644	5,238	2,098	288	2,852
12	Áo	"	774	232	39	503	3,472	1,394	166	1,912
13	Đan Mạch	"	798	239	40	519	2,370	924	131	1,315
14	AiLen(Ireland)	"	598	179	30	389	1,835	706	122	1,007
15	Slovanhia	"	119	36	6	77	557	218	35	304
16	Phần Lan(Finland)	"	456	137	23	296	1,530	547	85	898
17	Bồ Đào Nha	"	486	146	24	316	1,731	651	95	985
18	Bỉ	"	723	217	36	470	3,121	1,211	113	1,797
19	Khác	"	776				4,870			
	Châu Phi(South Africa)	"	32	7	0	25	134	50	2	82
1	Nam Phi	"	11	3	0	8	82	32	2	48
2	Camơrun	"	4	3	0	1	21	12	0	9
	Khác	"	2				18			
II	Khách Việt kiều	"				0				0
III	Khách trong nước	"	140,322	15,886	3,634	120,802	673,590	82,019	22,804	568,767